

Bản án số: 222/2024/HS-ST
Ngày 25-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Dung - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và ông Nguyễn Ánh D - Kiểm sát viên cao cấp, Vụ 6, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 195/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn G, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số G đường N, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị S; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 31/7/2014, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, về tội “Cố ý gây thương tích” (đã xóa án tích); bị bắt ngày 19/3/2024; có mặt;

2. Hoàng Đình K, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1964 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình P và bà Đình Thị R; có vợ là Hoàng Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 22/7/2024; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn X; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 13/11/2020, Tổ công tác của Công an quận Đ tổ chức kiểm tra quán K1 86 tại phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng đã phát hiện 28 đối tượng đang tụ tập trong quán có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy, phát hiện và thu giữ các tang vật là ma túy tổng hợp, dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy tại các phòng hát VIP 4 và VIP 5 mà các đối tượng sử dụng. Sau khi đưa các đối tượng vi phạm về trụ sở Công an quận để xác minh, lấy lời khai và xét nghiệm nhanh chất ma túy qua nước tiểu, đã xác định có 25/28 đối tượng dương tính với chất ma túy, vụ việc đã có dấu hiệu của tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Lê Văn G và Phạm Văn X là những đối tượng tham gia hát tại quán K1, khi bị Công an quận Đ kiểm tra, phát hiện có hành vi vi phạm về ma túy, sợ bị xử lý theo quy định nên G và X đã gọi điện thoại cho Hoàng Đình K và Nguyễn Khắc B là những người quen biết, chơi thân để nhờ K và B xin cho mình không bị xử lý và được tha về, K và B nhận lời. Do có mối quan hệ quen biết với Trần Tiến Q, Trưởng Công an quận Đ là người có thẩm quyền giải quyết vụ việc, sáng ngày 13/11/2020, K chủ động nói B đi theo mình vào trụ sở Công an quận Đ tìm gặp Q để móc nối, xin không xử lý G và X. Trần Tiến Q biết mục đích của K và B, bên cạnh đó, Q cũng đồng ý nhận tiền của người thân các đối tượng vi phạm khác để không xử lý và thả các đối tượng vi phạm ra, nên Q đã chỉ đạo cho Phạm Quang T1, Phó Trưởng Công an quận Đ và Nguyễn Hữu C, Phó Đội trưởng Đội ĐTTH dừng việc kiểm tra, xác minh để lập lại tài liệu vụ việc sai sự thật theo hướng không phát hiện việc tổ chức sử dụng và sử dụng trái phép chất ma túy tại quán K1. Trưa ngày 13/11/2020, Phạm Quang T1 gọi điện thoại cho K, nói K đến gặp trực tiếp để thỏa thuận việc thả các đối tượng vi phạm. Do có việc bận, K bảo B vào Công an quận Đ gặp T1. Theo sự hướng dẫn của K, B gặp T1, sau đó gặp C rồi gặp G và X để các bên thỏa thuận số tiền phải đưa. Giới đã thông tin cho một số đối tượng vi phạm và được 06 đối tượng khác thống nhất để G đứng ra trao đổi với T1 và C. Sau khi thỏa thuận đưa cho C 500 triệu đồng để được thả và không bị xử lý, G đứng ra vay của Nguyễn Văn M (là đối tượng vi phạm đã được thả ra trước) 500 triệu đồng để lo cho cả nhóm 08 đối tượng, rồi nhờ B đi lấy tiền hộ mình, B nhận lời và cho người đi lấy tiền, sau đó, B trực tiếp đem 500 triệu đồng vào Công an quận Đ cho G để G đưa cho C. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Hữu C đã lần lượt thả các đối tượng vi phạm ra về.

Sau khi nhận được đơn tố cáo hành vi làm sai lệch hồ sơ và nhận hối lộ của Nguyễn Hữu C và Lãnh đạo Công an quận Đ trong việc giải quyết vụ việc xảy ra tại quán K1, ngày 20/01/2021, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã thụ lý nguồn tin về tội phạm theo đơn tố cáo, cùng ngày, Nguyễn Hữu C có đơn xin đầu thú. Sau đó, vụ án hình sự Trần Tiến Q, Nguyễn Khắc B, Nguyễn Viết C1 cùng đồng phạm, phạm tội “*Nhận hối lộ; Đưa hối lộ; Làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc*”, xảy ra tại Công an quận Đ, thành phố Hải Phòng đã được điều tra, làm rõ. Ngày 18/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và tại Bản án số 07/2024/HS-ST đã tuyên phạt tù có thời hạn đối với Trần Tiến Q, Phạm Quang T1, Nguyễn Hữu C, Đỗ Hữu D1 về tội “*Nhận hối lộ*”; Nguyễn Khắc B, Phạm Văn X về tội “*Đưa hối lộ*”; Nguyễn Viết C1, Vũ Duy T2 và Vũ Hoàng V về tội “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc*”, các bị cáo không kháng cáo, Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng và sử dụng trái phép chất ma túy bị bắt quả tang rạng sáng ngày 13/11/2020 tại quán K1, ngày 18/02/2022, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, vụ án được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để điều tra theo thẩm quyền. Sau thời gian điều tra, xét thấy có đủ căn cứ, ngày 15/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Ngày 04/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định tách vụ án hình sự. Ngày 15/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đưa vụ án “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” ra xét xử sơ thẩm và tại Bản án số 54/2024/HS-ST đã tuyên phạt tù có thời hạn đối với Phạm Văn H về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Vụ án hình sự về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” đang được các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Hải Phòng tiếp tục giải quyết.

Khi Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra quyết định khởi tố bị can đối với Lê Văn G về tội “*Đưa hối lộ*” thì G không có mặt tại địa phương nơi cư trú. Ngày 19/01/2023, Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã Lê Văn G. Ngày 07/4/2023, ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can G. Ngày 19/3/2024, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao bắt được Lê Văn G khi đang trốn truy nã tại thành phố Hải Phòng. Ngày 20/3/2024, Cơ quan điều tra ra quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị can Lê Văn G và tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, truy tố, Lê Văn G, Hoàng Đình K thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Vật chứng của vụ án: Hoàng Đình K giao nộp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xám, số Imei 353960103751432, lắp Sim số 0913246423.

Tại bản cáo trạng số 8860/CT-VKSTC-V6 ngày 18/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố Lê Văn G về tội “*Đưa hối lộ*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 364 Bộ luật Hình sự và Hoàng Đình K về tội “*Môi giới hối lộ*” theo quy định tại khoản 3 Điều 365 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố và đề nghị Tòa án xem xét, xử mức án nhẹ để sớm trở về với gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 364; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 17, 58 BLHS, xử phạt Lê Văn G từ 07 năm - 07 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 365; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 BLHS, xử phạt Hoàng Đình K từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị: Tịch thu 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xám, số I, lắp Sim số 0913246423 của Hoàng Đình K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung:* Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Lê Văn G đã thông qua Hoàng Đình K làm trung gian móc nối dùng số tiền là 500 triệu đồng để tác động trái pháp luật đến các cán bộ Công an quận Đ đang giải quyết vụ việc có dấu hiệu tội phạm để thả, không xử lý cho 08 đối tượng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của Lê Văn G đã phạm vào tội “*Đưa hối lộ*”, quy định tại khoản 3 Điều 364 Bộ luật Hình sự. Hoàng Đình K bằng mối quan hệ quen biết với Trần Tiến Q nên đã đến gặp Q và một số cán bộ công an

quận Đ để đề móc nối, xin không xử lý G và X, T1 gọi điện thoại cho K, nói K đến gặp trực tiếp để thỏa thuận việc thả các đối tượng vi phạm. Do có việc bận, K không đến được nhưng đã bảo B đến để giúp G và X thỏa thuận số tiền phải đưa và thường xuyên liên hệ theo sát việc của G và X. Mặc dù chỉ liên hệ Trần Tiến Q nhờ xem xét không xử lý với G và X (Giỏi tự nhờ thêm cho 06 đối tượng khác), không được hưởng lợi song phải thông qua Khắc thì G mới thực hiện được hành vi phạm tội nên hành vi của K phải thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 365 Bộ luật Hình sự (từ 500 triệu đồng...). Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc để giáo dục cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Lê Văn G, Hoàng Đình K đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Hoàng Đình K còn được hưởng thêm tình tiết “*người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu hoặc công tác*” do được khen thưởng vì có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức lễ hội tại địa phương theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do có bố là người có công với cách mạng.

[6] *Về hình phạt:* Khi quyết định hình phạt cần căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo G đồng phạm với các bị cáo B1, X về tội “*đưa hối lộ*” (bị cáo B1, bị cáo X đã bị xét xử) có vai trò cao hơn hai bị cáo B1, X tuy nhiên G không được hưởng lợi, tự lo tiền cho 06 đối tượng khác do đó xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ trừng trị, giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo K, bị cáo không được hưởng lợi, ban đầu cũng chỉ nhằm giúp bị cáo G và X không bị xử lý; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xét tổng thể trong vụ án, việc tham gia của bị cáo không lớn, do đó xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ giáo dục, trừng trị bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] *Về xử lý vật chứng:* 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xám, số Imei 353960103751432, lắp Sim số 0913246423, Hoàng Đình K đã sử dụng để liên lạc với bị cáo G và các bị cáo khác trong vụ án nhận hối lộ nên đây là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8] *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: các bị cáo, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Trong vụ án còn có một số đối tượng liên quan và 06 hành vi đưa, nhận hối lộ còn lại, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định tách hồ sơ vụ án với bị can đang bị truy nã, các đối tượng liên quan để tiếp tục điều tra và xử lý ở giai đoạn sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 364; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn G phạm tội "Đưa hối lộ"

Xử phạt bị cáo Lê Văn G 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/3/2024.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 365; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Đình K phạm tội "Môi giới hối lộ".

Xử phạt bị cáo Hoàng Đình K 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/7/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu xám, số Imei 353960103751432, lắp Sim số 0913246423 thu của Hoàng Đình K (được để trong phong bì niêm phong và lập biên bản niêm phong ngày 30/7/2024).

(Đặc điểm chi tiết vật nêu trên thể hiện trong biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 19/9/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Văn G và Hoàng Đình K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung

